# VỀ SỰ THIẾT LẬP VÀ SUY TÀN CỦA ĐẾ CHẾ MÔNG CỔ [*]

**TRẦN KHÁNH***

Các cuộc chiến tranh xâm lược, chinh phạt của kỵ binh Mông Cổ diễn ra liên tục trong thế kỷ XIII đã tạo dựng nên một đế chế (1) Mông Cổ với diện tích lớn khoảng 24 triệu $m^2$, tương đương với 16% diện tích của trái đất, trải rộng trên lục địa Á - Âu, từ Trung Quốc đến Đông Âu, Vịnh Ba Tư và Trung Cận Đông. Có lẽ, trong lịch sử nhân loại, chưa có một dân tộc, thủ lĩnh nào, một đế chế nào có thể làm nên kỳ tích và thống trị được một vùng lãnh thổ rộng lớn như vậy trong suốt 162 năm (tính từ khi Thiết Mộc Chân được tôn là Thành Cát Tư Hãn - "Thiên Hạ Vương") vào năm 1206 đến khi nhà Minh người Hán lật đổ triều Mông - Nguyên vào năm 1368). Vậy nguyên nhân nào làm cho người Mông Cổ, một tộc người du mục không lớn (lúc đỉnh cao nhất là có khoảng 2 triệu người), sống trên vùng đất lạnh giá, toàn đồi trọc và sa mạc ở vùng Trung Á đã vươn lên trở thành một đế chế hùng mạnh nhất thế giới lúc đó, thiết lập nên một trật tự quyền lực trong một không gian rộng lớn và tại sao đế chế này sau đó suy yếu và đi đến tan rã là những nội dung chính bàn luận của bài viết này.

**1. Sự thiết lập và đặc điểm cai trị của đế chế Mông Cổ**

***1.1. Thống nhất các bộ tộc, chinh phạt, mở rộng lãnh thổ và thiết lập một đế chế với nhiều Hãn quốc trải rộng phần lớn lãnh thổ của lục địa Á-Âu***

Trước khi tạo dựng đế chế Mông Cổ, tại một vùng rộng lớn ngoài rìa phía Nam của hồ Baican thuộc khu vực Trung Á từng tồn tại một nhà nước quân chủ sơ khai với tên gọi là Mông Ngột Quốc của các thị tộc khác nhau của người Mông Cổ (2). Sự thống nhất các bộ tộc Mông Cổ, hình thành nên đế chế Mông Cổ gắn liền với năng lực quân sự của Thiết Mộc Chân (3) (1162- 1227). Vào cuối thế kỷ XII, ông đã chinh phục bằng cả vũ lực và thuyết phục nhân tâm được khoảng 30 bộ lạc khác nhau thuộc vùng lãnh thổ rộng lớn ở trung tâm Mông Cổ ngày nay. Điều đáng chú ý là trước khi được tôn phong là Thành Cát Tư Hãn (4), ông đã thực hiện một số cải cách trong quân đội và tổ chức quản lý dân cư. Cụ thể, ông đã tổ chức quân đội thành các Lộ quân, từ Arbans (nhóm), Zuum (toán quân), Myangan (đoàn quân) và và quân đoàn hay đội quân (5). Ông chọn những người đứng đầu các đơn vị quân đội là những người tài giỏi, trung thành với ông chứ không dựa trên quan hệ gia đình hay thân quen. Trong quản lý dân sự, ông chia khu vực theo Bách hộ (100 hộ), Thiên hộ (1.000 hộ) và Vạn hộ (10.000 hộ). Đứng đầu lãnh đạo hay quản lý các nhóm hộ trên bởi một quý tộc. Cùng với trên, đối với các thị tộc, bộ tộc đối nghịch, không chịu hợp tác, ông quyết tâm loại trừ nhưng chủ yếu chỉ tiêu diệt thủ lĩnh. Còn dân chúng ông bắt làm nô lệ

*PGS.TSKH. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

hoặc cho sống phân tán trong các bộ tộc của mình để những dòng họ và bộ tộc đó bị chia cắt, khó có thể tái lập lại được liên minh để chống lại ông (6). Cùng với đó, Thành Cát Tư Hãn dựng nên Bộ luật Yassa hay Yasa (theo tiếng Mông Cổ là "mệnh lệnh" hay "sắc lệnh"), trong đó quy định thủ lĩnh các Lộ quân và đứng đầu các quần thể dân cư theo Hộ phải có trách nhiệm chăm lo cho binh sỹ từ mặt hậu cần, sức khỏe, tập luyện và tham gia chiến đấu, đảm bảo thắng trận. Còn tất cả đàn ông, trừ rất ít ngoại lệ đều phải đi lính. Nếu đảo ngũ hay không chăm sóc ngựa của mình, để ngựa chết sẽ bị xử tử. Các chiến binh khi thắng trận được thưởng và hưởng các chiến lợi phẩm có được. Khi đánh bại kẻ thù, không được tra tấn, giết bỏ binh lính của đối phương và tìm cách sử dụng, đưa họ hợp thành quân đội của mình... (7). Chính những quy định trên đã giúp Thành Cát Tư Hãn tạo dựng một đội quân hùng hậu, có kỷ luật và kỹ năng chiến đấu tốt nhằm thực hiện mục tiêu chinh phục thế giới Á-Âu bằng sức mạnh quân sự.

Do khát vọng tạo dựng một đế chế cũng như đảm bảo an ninh, chống lại kẻ thù xung quanh (8), Thành Cát Tư Hãn tiến hành một cách có hệ thống chinh phạt, mở rộng lãnh thổ xuyên lục địa Á-Âu. Công cuộc này liên tục kéo dài trong khoảng một thế kỷ và được thực hiện trong 4 đời, từ ông, con, cháu và chắt.

*Trước hết là chinh phục các khu vực, nước láng giềng xung quanh Mông Cổ.* Từ năm 1204, quân Mông Cổ dưới sự chỉ huy của con trai cả Thành Cát Tư Hãn là Truật Xích đã tiến hành xâm chiếm vùng đất các bộ tộc ở vùng Nam Siberia và đến 1207, về cơ bản đã chinh phục vùng này. Tiếp đến là vào năm 1209, miền Tây Hạ thuộc nước Tây Liêu, một vùng đất rộng lớn ở Trung Á nơi các tộc người Khiến Đan sinh sống (chủ yếu là người Duy Ngô Nhĩ, người Tajik) bị thôn tính và trở thành chư hầu của đế chế Mông Cổ. Đến năm 1211, quân Mông Cổ dưới sự cầm quân trực tiếp của Thành Cát Tư Hãn tiến hành xâm lược nước Kim của người Hán - một quốc gia thù địch láng giềng có diện tích rộng lớn đến phía Bắc sông Hoàng Hà. Sau 3 năm chinh chiến, nước Kim đến năm 1214 phải cầu hòa với thân phận như một phiến quốc, phải nộp cống cho Mông Cổ. Không dừng tại đó, quân Mông Cổ quyết tâm tiêu diệt nước này và kết quả là vào năm 1234 họ đã kiểm soát hầu như toàn bộ lãnh thổ nước Kim, sáp nhập nước này vào vùng lãnh thổ rộng của đế chế Mông Cổ.

Sau khi chinh phục được các vùng, nước liền kề ở phía Bắc và Nam, quân Mông Cổ tiến về phía Tây chinh phục Khwarenzmia-một đế chế theo Hồi giáo dòng Sunni của người Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư (Iran) giàu có nhưng đang làm khó dễ trong giao lưu thương mại đối với Thành Cát Tư Hãn (9). Sự kiện diễn ra từ năm 1219, quân Mông Cổ đưa tới 20 vạn quân chinh phạt Khwarezmia. Đến năm 1221, toàn bộ khu vực rộng lớn gồm các nước Trung Á thuộc Liên Xô cũ, của Iran, Afghanistan và một phần của Pakistan ngày nay bị sáp nhập vào đế chế Mông Cổ với hiệu danh là *Hãn Quốc Sát Hợp Đài*. Không dừng ở đó, năm 1223 sau sự kiện này, quân Mông Cổ tiến lên phía Tây Bắc tấn công các công quốc của người Đông Slavơ thuộc nước Nga và Ukraine ngày nay. Đây là cuộc dạo đầu cho công cuộc thôn tính vùng đất này trong những thập niên tiếp theo.

*Tiếp đến là xâm lược, bành trướng lãnh thổ và thiết lập các Hãn quốc (Vương quốc) khác nhau ở các khu vực ngoại vi, bán ngoại vi trong đế chế Mông Cổ.* Trước khi qua đời (vào năm 1227), Thành Cát Tư Hãn đã phân chia các vùng lãnh thổ chiếm được cho 4 con

trai là Truật Xích, Đà Lôi, Oa Khoát Đài và Sát Hợp Đài. Vì con cả của Truật Xích mất sớm nên con trai Truật Xích là Bạt Đô được kế thừa. Sau này, các vùng đất mà Thành Cát Tư Hãn chia cho các con thay đổi bởi sự xâm chiếm lãnh thổ mới và sự tranh giành ngôi thứ đứng đầu trong đế chế.

Theo lời di chúc của người cha, các con cháu của Thành Cát Tư Hãn không ngừng mở rộng quyền lực của đế chế ra khắp lục địa Á- Âu. Cùng một lúc quân của Mông Cổ tiến đánh cả phía Nam và phía Tây, cụ thể:

*Về phía Nam và Đông Nam*: Vào năm 1230, một cánh quân Mông Cổ dưới sự chỉ huy của Oa Khoát Đài (10) ồ ạt tấn công các vùng còn lại của nước Kim và đến năm 1234, nhà Kim của Trung Quốc chính thức diệt vong. Sau sự kiện này vùng lãnh thổ của nhà Kim bị chinh phục được lập nên một Hãn quốc mới gọi là *Hãn Quốc Oa Khoát Đài.* Cùng với đó, quân Mông Cổ đưa quân đánh Cao Ly (Triều Tiên) và biến nước này thành chư hầu vào vào năm 1233. Tuy nhiên, người Cao Ly chống trả một cách quyết liệt và cho đến năm 1253, nước Cao Ly mới bị khuất phục hoàn toàn.

Do xung đột nội bộ tranh ngôi vị trong đế chế, đến năm 1251 khi Hốt Tất Liệt trở thành tướng lĩnh chỉ huy cánh quân phía Nam, ông đưa quân bình định Cao Ly và tiến quân xuống phía Nam, vào lãnh thổ của Nam Tống và nước Đại Việt. Dưới sự lãnh đạo của vua Trần Thái Tông, cuộc xuân lược của quân Mông Cổ vào Đại Việt lần thứ nhất vào năm 1258 bị thất bại phải rút quân về nước. Tuy nhiên, với quyết tâm chinh phục Trung Quốc, năm 1271, Hốt Tất Liệt sau khi đổi xưng hiệu từ Khả Hãn (vua) thành Đại Hãn (Hoàng đế) và tuyên bố thành lập triều đại với tên gọi là *nhà Nguyên* (trong lịch sử thường gọi là Mông-Nguyên) và lấy kinh đô là Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay) đã phát động cuộc tấn công mới xuống vùng đất phía Nam của Trung Quốc. Đến năm 1276, triều đình Nam Tống đầu hàng Mông Cổ. Tuy nhiên, một số lực lượng chống đối vẫn tiếp tục kháng chiến chống lại quân Mông Cổ và đến năm 1279, quân của Hốt Tất Liệt mới dập tắt các cuộc chống đối và đưa toàn bộ lãnh thổ Nam Tống sáp nhập vào bản đồ đế chế Mông Cổ. Cùng với chinh phục Nam Tống, quân Mông Cổ tiến hành xâm lược Nhật Bản, Đại Việt và Java. Tuy nhiên quân Mông Cổ bị thất bại và phải từ bỏ tham vọng của mình.

Như vậy, có thể nói rằng, cuộc chinh phạt, mở rộng lãnh thổ của Mông Cổ về hướng Nam và Đông Nam kết thúc vào cuối thế kỷ XIII. Nếu như sự kiện Nam Tống của Trung Quốc bị đánh bại hoàn toàn vào năm 1279 đánh dấu đỉnh cao nhất về uy lực và sức mạnh, nhất là về quân sự của đế chế Mông Cổ thì thất bại của Mông Cổ tại Nhật Bản, Đại Việt và Java sau đó báo hiệu bước bước suy tàn và sụp đổ của đội quân thiện chiến hùng mạnh nhất thế giới lúc đó nói riêng, quyền lực của đế chế Mông Cổ nói chung (11).

*Về hướng Tây*: Sau khi chinh phục được Khwarezmia ở vùng Trung Á, quân Mông Cổ tiếp tục đánh chiếm các quốc gia thuộc khu vực Caucasus, tiểu Á, Trung Cận Đông và mở rộng lên hướng Tây Bắc thuộc lãnh thổ Nga, Ukraine, Belarusia và các nước Đông Âu ngày nay. Cho đến những năm 60 của thế kỷ XIII, quân Mông Cổ đã chinh phục hầu như toàn bộ vùng Tây Á và nuôi tham vọng chiếm vùng Bắc Phi. Tuy nhiên quân Mông Cổ bị quân Ai Cập đánh bại vào năm 1260 đã dập tắt tham vọng của người Mông Cổ chinh phục lãnh thổ châu Phi. Sau khi chinh phục vùng Tiểu Á, Trung Cận Đông, cháu trai của Thành Cát Tư Hãn là

Húc Liệt Ngột lập nên *Hãn Quốc Y Nhi* - một vương quốc rộng lớn với diện tích bao gồm từ Afganistan, Turkmennistan, Armenia, Gruzia đến Iran, Iraq, Thổ Nhĩ Kỳ.

Cùng với đó, quân Mông Cổ cùng thời đánh chiếm các công quốc của người Nga. Trong vòng 3 năm từ 1237 đến 1240, quân Mông Cổ đã tàn phá và hủy diệt hầu như tất cả các thành phố lớn của người Nga, từ Moskva đến Kiev, ngoại trừ Nogorod và Pskov. Từ đầu những năm 40 của thế kỷ XIII, quân Mông Cổ tiến về phía Tây tấn công Hungary, Ba Lan, Tiệp Khắc. Croatia, Áo và Bungaria. Sau khi chinh phục các nước này, quân Mông Cổ lập nên *Hãn Quốc Kim Trướng* - một vương quốc thuộc đế chế Mông Cổ với lãnh thổ rộng lớn kéo dài từ dãy núi Ural tới hữu ngạn sông Dnepr.

### *1.2. Đặc điểm cai trị của đế chế Mông Cổ*

Mặc dù hàng chục triệu người đã chết dưới vó ngựa (12), nhưng các cuộc chinh phục và sự thiết lập chế độ cai trị của đế quốc Mông Cổ cũng tạo nên một trật tự *mà trong đó quyền lực của đế chế được tập trung và tương đối thống nhất giữa các Hãn quốc thông qua hệ thống các Sắc lệnh (Yasa) chung và chúng được đảm bảo sự thực thi bằng sức mạnh quân sự, sự tương đối khoan dung về tôn giáo và khuyến khích giao thương, đề cao sở hữu tư nhân, tôn trọng nhân tài cũng như trừng trị nghiêm khắc với những kẻ có tội.*

Trước hết về luật lệ: Mặc dù lãnh thổ của đế chế được chia thành 4 Hãn Quốc, những hệ thống cai trị nhà nước và xã hội tương đối giống nhau bởi Yasa - một "sắc lệnh" hay "mệnh lệnh", một chỉ dẫn đạo đức, tư tưởng và hành động trong xã hội, nhất là cho giới quân đội, các sứ thần, nhà buôn và tôn giáo. Luật quy định rằng tất cả đàn ông, trừ một số ngoại lệ đều phải đi lính. Thủ lĩnh quân là người trực tiếp tuyển quân, huấn luyện, cung cấp vũ khí, hậu cần và cầm quân các trận đánh. Binh lính phải phục tùng tuyệt đối tướng lĩnh. Nếu binh lính đảo ngũ hay không chăm sóc, để cho ngựa chết sẽ bị xử tử. Các thủ lĩnh không tuân lệnh Khả Hãn cũng bị xử tử. Còn trong cai trị xã hội, những người có tài năng, trung thành với đế chế được bổ nhiệm quan lại, đứng đầu các Lộ quân và và cai trị các Hộ (đơn vị dân cư). Để duy trì trật tự trên khắp lãnh thổ đế chế, Sắc lệnh Yasa đặt ra những hình phạt nghiêm khắc đối với các tội phạm như lừa đảo tiền bạc, trộm cắp, ngoại tình và đề cao sở hữu tư nhân cũng như tôn trọng, phát triển kỹ năng cá nhân có ích cho xã hội (13).

Điều đáng chú ý là cách quản trị dân cư các vùng trong đế chế cũng có nét đặc thù. Sau khi chinh phục được thành phố hay lãnh thổ nào đó, binh lính Mông Cổ thường rời đi và chỉ để lại một vài quan chức để giám sát các vấn đề dân sinh và thu thuế ở đó. Cuộc sống của người dân địa phương ít bị đảo lộn vì quan chức vẫn tôn trọng tôn giáo, tín ngưỡng của người dân và không cản trở công việc kiếm sống, mưu sinh của họ. Chỉ những nơi có phong trào chống đối lại quân Mông Cổ thì họ mới duy trì đội quân thường trú và tìm mọi cách để diệt trừ tận gốc phong trào phản kháng. Như vậy ở các vùng đất xa trung tâm hoặc những nơi ít có phong trào phản kháng, đế chế thường áp dụng lối cai trị từ xa. Trong khi đó, các quốc gia, công quốc thuộc chư hầu hay lệ thuộc của đế chế thì hàng năm phải nộp cống thông qua các đại diện của họ ở các Hãn quốc.

Tư tưởng khoan dung tôn giáo cũng là nét nổi bật trong đế chế Mông Cổ. Mặc dù Thành Cát Tư Hãn và con cháu ông là những người theo Shaman giáo (tôn thờ thần, tin vào yếu tố tâm linh), nhưng ông

lại cho phép người dân được tự chọn đức tin của mình, đồng thời xóa bỏ thuế quan và miễn lao dịch cho các giáo đồ của mỗi tôn giáo. Đây là một hành động có tính chiến lược của Thành Cát Tư Hãn nhằm tránh sự chống đối từ các tôn giáo có thế lực chống lại ông. Hơn nữa, đế chế Mông Cổ cũng khuyến khích giao thương, nhất là làm hồi sinh "Con đường tơ lụa" xuyên Trung Á, nối hai lục địa Á-Âu được hình thành từ thế kỷ III trước Công Nguyên, nhưng bị trì trệ từ thế kỷ X khi nhà Đường ở Trung Quốc bị lật đổ và các cuộc Thập tự chinh giữa người Hồi giáo và Thiên chúa giáo diễn ra liên tục ở Trung Đông trong thế kỷ X-XII. Để thúc đẩy quan hệ với bên ngoài, nhất là trao đổi hàng hóa, các Hãn hay Khan của Mông Cổ ban hành các loại thẻ bài bằng vàng và bạc gọi là "bài tử" và phân phát cho một số nhà buôn, sứ thần và các nhân vật quan trọng khác. Đây là tấm giấy thông hành cao cấp nhất cho phép họ đi lại an toàn trong khắp đế chế Mông Cổ. Trong luật Yasa quy định rằng những ai can thiệp, không giúp đỡ hay cản trở những người có thẻ này sẽ bị trừng phạt mức xử tử (14). Cùng với công cụ "bài tử", việc không làm khó dễ đối với thần dân đi lại trong 4 Hãn (Khan) quốc cũng như việc đảm bảo an ninh và cung cấp hậu cần cho các nhà buôn (như xây dựng các trạm nghỉ, cung cấp lương thực, thực phẩm và nướng uống ở các điểm khác nhau) dọc theo Con đường tơ lụa đã kích thích thương mại và giao lưu văn hóa giữa các tộc người (trong đó góp phần tạo nên hệ thống chữ viết của người Mông Cổ), tạo ra môi trường tương đối hòa bình và sự thống nhất về mô hình cai trị của đế chế Mông Cổ. Chính việc khuyến khích, mở rộng trao đổi hàng hóa, đảm bảo an ninh và hậu cần cho các tuyến thương mại, nhất là các đô thị ở vùng Trung Á và Tây Á cũng như tôn trọng các phong tục, tập quán lối sống của người dân ở các nước, khu vực mà họ đã chinh phục cũng góp phần tạo nên một hệ thống thông lệ, quy tắc ứng xử chung, một "Trật tự" (15) của đế chế Mông Cổ trên một vùng lãnh thổ rộng lớn, trải dài trên lục địa Á - Âu trong thế kỷ XIII, nửa đầu thế kỷ XIV (16). Không phải ngẫu nhiên mà nhiều người thường nói rằng trong nền "Thái bình Mongolica", "một cô gái mang một cục vàng có thể đi vô định khắp nơi một cách an toàn trên khắp lãnh thổ của đế chế Mông Cổ" (17).

**2. Sự suy tàn của đế chế Mông Cổ**

Nếu như sự kiện Nam Tống của Trung Quốc bị đánh bại hoàn toàn vào năm 1279 đánh dấu đỉnh cao nhất về uy lực và sức mạnh, nhất là về quân sự của đế chế Mông Cổ thì thất bại của Mông Cổ tại Nhật Bản, Đại Việt và Java sau đó báo hiệu bước suy yếu và đi đến suy tàn của đội quân thiện chiến hùng mạnh nhất thế giới lúc đó nói riêng, đế chế Mông Cổ nói chung.

Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến sự suy yếu và sụp đổ của đế chế này. Trước hết là xung đột, tranh giành quyền lực trong nội bộ đế chế. Sự tranh giành người đứng đầu đế chế bắt đầu diễn ra từ sau khi Thành Cát Tư Hãn qua đời năm 1227 (18), nhưng trở nên quyết liệt từ nửa sau thế kỷ XIII (19). Việc Hột Tất Liệt xưng là hoàng đế vào năm 1271, làm cho mối quan hệ giữa 4 Hãn quốc trong đế chế Mông Cổ trở nên xung đột và ngày càng xa cách nhau. Các Hãn quốc như Sát Hợp Đài, Kim Trướng ngày càng trở nên độc lập, không tuân lệnh của Đại Hãn nhà Mông-Nguyên. Ngay trong Đại Hãn nhà Mông-Nguyên, một vương triều hùng mạnh nhất trong đế chế Mông Cổ và chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa cai trị của người Hán thì việc tranh ngôi vị liên tục diễn ra. Theo sử sách, từ khi Hốt Tất Liệt qua đời (năm 1295) đến khi nhà Mông-Nguyên sụp đổ vào năm 1368, chỉ có

khoảng 70 năm mà có tới 10 vị Hoàng đế khác nhau cai trị Trung Quốc (20).

Cùng với tranh giành quyền lực trong nội bộ, cách thức cai trị của đế chế là khá lỏng lẻo, chỉ duy trì một ít quân đồn trú để cai quản ở một số địa phương, chủ yếu là ở các đô thị lớn nằm trên Con đường tơ lụa. Còn các vùng xa trung tâm thành phố hầu như không có thay đổi gì lớn. Người dân ở đó vẫn duy trì luật lệ, cách sinh hoạt và tôn giáo của mình giống như trước khi quân Mông Cổ chiếm đóng. Có lẽ việc đánh chiếm, mở rộng lãnh thổ và cướp bóc tài sản là mục tiêu chính của quân Mông Cổ. Hơn nữa, việc quân sự hóa bộ máy hành chính bằng việc cử người đứng đầu các Hộ (đơn vị hành chính, xã hội) kiêm luôn là người tổ chức, chỉ huy quân đội theo truyền thống của người Mông Cổ cũng tạo ra sự xung đột với hệ thống luật tục của người địa phương. Cùng với đó, quân Mông Cổ thường coi tộc người Mông Cổ là thượng hạng. Hơn nữa, chính sách đối ngoại của các Hãn quốc trong đế chế thường yêu cầu các quốc gia láng giềng phải thuần phục và nộp cống, nếu không sẽ bị chinh phạt. Những điều này làm cho phong trào chống đối đế chế Mông Cổ trở nên mạnh mẽ hơn, nhất là ở Đại Hãn của triều Mông-Nguyên tại Trung Quốc. Sự kiện Chu Nguyên Chương, lãnh tụ của người Hán đứng lên lật đổ nhà Mông-Nguyên, lập nên nhà Minh vào năm 1368 (21) và việc Dmitry Donskoy, lãnh tụ của Đại công quốc Moscow đánh bại đội quân của Hãn Quốc Kim Trướng vào năm 1380 và sau đó bãi bỏ quan hệ triều cống với đế chế Mông Cổ (22) cũng như sự trỗi dậy của Thổ Nhĩ Kỳ và hình thành nên đế quốc Ottonam từ đầu thế kỷ XIV (23) ở vùng lãnh thổ thuộc Hãn quốc Y Nhi đã đưa đến sự sụp đổ hoàn toàn của đế chế Mông Cổ.

Ngoài các nguyên nhân chính trên còn có một số nguyên nhân khác làm cho đế chế Mông Cổ suy yếu, đó là tác động của môi trường khí hậu và dịch bệnh. Quân Mông Cổ chỉ quen tác chiến ở vùng bán ôn đới và hoang mạc. Khi đến vùng cận nhiệt đới ở châu Á và ôn đới mưa nhiều ở châu Âu thì họ trở nên khó khăn. Cùng với đó bệnh sốt rét lan rộng ở châu Âu và châu Á trong những năm 40-50 của thế kỷ XIII và bệnh dịch hạch hay "cái chết đen" bùng nổ khắp lục địa Á - Âu trong những năm 30-40 của thế kỷ XIV, cũng làm cho quân Mông Cổ bị tổn thất nặng.

Cuối cùng, có lẽ lối sống du mục và quan hệ thị tộc, bộ lạc vẫn còn chi phối khá lớn đời sống xã hội của đế chế Mông Cổ. Chính yếu tố này ít tạo ra sức hấp dẫn lớn để duy trì một trật tự quyền lực của Mông Cổ ở các lãnh thổ mà họ chiếm được, nhất là những khu vực có nền văn minh lầu đời, trình độ phát triển cao hơn như ở Trung Quốc hay Ba Tư...

**3. Kết luận**

*Thứ nhất,* cùng với khát vọng quyền lực, tinh thần chiến binh, nhất là tính thiện chiến của quân đội kỵ binh, khả năng sáng tạo và sử dụng cung tên các loại vũ khí cầm tay trên lưng ngựa, sức chịu đựng dẻo dai và tàn bạo nơi chiến trận (24), có mưu lược đánh bất ngờ, mai phục, tính kỷ luật cao trong quân đội Mông Cổ cũng như mưu lược, tài cao của Thành Cát Tư Hãn và con cháu của ông trong thu phục nhân tài, khoan dung tôn giáo, khuyến khích thương mại đã tạo dựng nên một đế chế Mông Cổ có diện tích rộng lớn trải dài trên lục địa Á-Âu.

*Thứ hai,* sự suy yếu và đi đến sụp đổ của đế chế Mông Cổ bắt nguồn từ mô hình cai trị và bản chất của nó cũng như quy luật tranh giành quyền lực trong hệ thống thế giới. Ngoài xung đột lợi ích, tranh

giành ngôi vị giữa các nhóm quý tộc, giữa các tiểu vương triều trong đế chế, mô hình cai trị lỏng lẻo, thiếu sự giám sát trực tiếp của chính quyền trung ương, sự hòa lẫn chính quyền quân sự và dân sự trong bộ máy cai trị nhà nước và đặc biệt là không đủ nguồn lực, nhất là quân đội và quan cai trị để phủ rộng khắp lãnh thổ rộng lớn là nguyên nhân bên trong đưa đến suy tàn của đế chế. Hơn nữa, sự hình thành đế chế chủ yếu dựa trên sự chinh phạt tàn bạo (26), cướp bóc của cải và các nguồn lực khác từ các vùng lãnh thổ bị xâm chiếm, ít chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng đã làm cho đế chế sụp đổ khi có tác động mạnh từ bên ngoài, nhất là từ các thế lực có nền văn hóa, trình độ phát triển kinh tế-xã hội cao hơn. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của chủ nghĩa Hán tộc, sự nổi lên của Đại công quốc Moscow của người Slavo ở phía Đông và sự thiết lập đế chế Ottonam của người Thổ Nhĩ Kỳ ở Tiểu Á từ giữa thế kỷ XIV cũng góp phần làm cho đế chế Mông Cổ sụp đổ.

*Thứ ba,* sự hình thành đế chế Mông Cổ và thiết lập hệ thống cai trị của họ trong thế kỷ XIII, nửa đầu thế kỷ XIV cũng để lại hệ quả và một bài học lớn trong lịch sử nhân loại. Một đế chế được tạo dựng chủ yếu dựa trên sức mạnh quân sự là không vững bền. Chỉ có sự ưu việt về giá trị văn hóa và luật pháp, sự tiến bộ về kỹ thuật-công nghệ mới duy trì được lâu dài sức mạnh, tầm ảnh hưởng của đế chế. Khi các nước châu Âu bắt đầu chế tạo ra súng trường thì ưu thế về kỵ binh của Mông Cổ giảm đi rõ rệt. Các nước như Trung Quốc và khu vực Tây Á-Trung Cận Đông có nền kinh tế, kỹ thuật và hệ thống pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước phát triển hơn đã trở thành vật cản cho duy trì sự tồn tại của đế chế Mông Cổ. Trong khi đó, nền văn hóa của Mông Cổ (cả văn hóa vật chất cũng như tinh thần) chưa đủ mạnh để tránh bị hòa nhập hay bị các nền văn hóa khác đồng hóa. Điều này góp phần giải thích tại sao lãnh thổ và ảnh hưởng văn hóa của đế chế Mông Cổ nhanh bị thu hẹp, có tác động không lớn đối với nên văn minh nhân loại sau khi đế chế này sụp đổ. Tuy nhiên, từ sự hình thành đế chế của người Mông Cổ cũng để lại bài học về một một nước, dân tộc hạn chế về số dân và tài nguyên, nếu có ý chí, khát vọng có thể vươn lên trở thành một nước, dân tộc có sức mạnh trong quan hệ quốc tế.

## *CHÚ THÍCH*

* Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu công trình Cấp Bộ "Cục diện thế giới đến năm 2030, tầm nhìn đến giữa thế kỷ 21 và đối sách của Việt Nam" do TS. Đặng Xuân Thanh làm chủ nhiệm.

(1). Đế chế trong quan hệ quốc tế được hiểu khá giống như Đế quốc, chỉ về một hình thức nhà nước bá quyền, chuyên đi xâm lược hay áp đặt quyền cai trị của mình đối với nước khác và thống trị nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn. Tuy nhiên thuật ngữ Đế chế thường được hiểu là là chế độ chính trị vương quyền.

(2). Quan hệ xã hội được phân chia theo giai tầng khác nhau, trong đó tầng lớp quý tộc (Noyal) lãnh đạo bộ lạc chiếm quyền thế và tài sản lớn nhất. Trong khi đó tầng lớp thân binh của quý tộc (gọi là Noke) được hưởng quyền lợi chỉ sau những nhà lãnh đạo bộ lạc. Còn người dân bình thường (gọi là Arat) là đẳng cấp thứ ba và cuối cùng là tầng lớp nô lệ, trong đó chủ yếu là những tù binh bắt được trong chiến tranh. Chính sinh sống trong môi trường du mục, cạnh tranh khắc nghiệt nên trong xã hội các thị tộc Mông Cổ luôn đề cao

những chiến binh cưỡi ngựa giỏi, dũng cảm và có sức chịu đựng cao.

(3). Thiết Mộc Chân (có nghĩa là "sắt thép" hay "thợ ren". Ông sinh ra trong một gia đình đông con (có 7 anh em) mà người cha là tộc trưởng, đứng đầu thị tộc Bột Nhị Chỉ Cân. Sau khi cha ông bị người Tatar, một đối thủ của người Mông Cổ đầu độc, Thiết Mộc Chân phải bươn chải để kiếm sống. Đến tuổi vị thành niên, ông trở nên quyến đoán, trong đó sát hại cả người anh em cùng mẹ khác cha vì tranh giành miếng ăn. Đến thời thanh niên ông còn bị các tộc người khác bắt cóc và người vợ trẻ của ông bị đối xử như những người nô lệ vì những hành động chống lại họ. Sau khi bỏ trốn khỏi sự giam hãm, kìm chế của thù địch, ở tuổi 20, ông đã khẳng định mình như một chiến binh, một nhà mưu lược, quản lý hành chính có tài năng.

(4). Thành Cát Tư Hãn (Genghis Khan hay Chinggis Khan) có nghĩa là Vua của Thế giới hay "Thiên Hạ Vương". Danh hiệu này được tôn phong vào năm 1206.

(5). Một Arban (nhóm quan) có khoảng 10 người và 10 Arban hình thành nên một Zuun (toán quân); 10 Zuun thành một Myangan (Đoàn quân) và 10 Myangan thành quân đoàn hay một đội quân 10.000 người.

(6). Xem thêm: Jack Weatherford. *Genghis Khan and the Meking of the Moderm World*. New York: Three Rivers Press, 2004, p. 28; Patricia Daniels , Stephen G. Hyslop. Lược sử Thế giới. Hà Nội, Nxb. Từ điển bách khoa, 2007, tr. 208.

(7). Xem thêm: Yasa-Bộ luật của Thành Cát Tư Hãn, https://baotintuc.vn/ho-so/yasa-bo-luat-cua-thanh-cat-tu-han-20130906092153849.htm

(8). Lúc đó người Mông Cổ coi người Tatar là kẻ thù số một bởi bố của Thành Cát Tư Hãn bị tộc người Tatar đầu độc đến chết.

(9). Ban đầu Thành Cát Tư Hãn chưa có ý định tấn công bằng vũ lực đánh chiếm Khwarezmia vì muốn thiết lập quan hệ thương mại chính thức với đế chế này. Tuy nhiên, phái bộ đoàn của Mông Cổ được cử đến Khwarezmia đã bị bắt giam, bị giết và bị tịch thu đàn lạc đà. Sự kiện này châm ngòi cho cuộc chinh phạt của Thành Cát Tư Hãn vào vương quốc Khwarezmia.

(10). Vào năm 1220, Oa Khoát Đài Liên minh các bộ lạc Kurultai công nhận là người kế vị Khả Hãn của Thành Cát Tư Hãn và được phong là Đại Hãn (Hoàng đế).

(11). Quân Mông Cổ xâm lược Nhật Bản 2 lần, lần thứ nhất vào năm 1274 và lần hai vào năm 1281. Còn tiến đánh Đại Việt lần thứ hai vào năm 1285 và lần ba vào năm 1287-1288. Vào năm 1293, quân Mông Cổ tấn công Java Tất cả các cuộc xâm lược này đều bị thất bại.

(12). Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, cuộc chinh phục của Mông Cổ làm cho khoảng 40 triệu người Trung Quốc thiệt mạng, làm giảm đi 11% dân số thế giới vào cuối thế kỷ XIII.

(13). Những ai 3 lần đi vay mượn mà không trả được sẽ bị xử tử. Kẻ trộm ngựa nếu không trả lại được sẽ phải để chủ nợ lấy con cái (nếu không có con sẽ bị chặt cơ thể làm đối). Các trộm cắp nhỏ sẽ bị hình phạt băng roi ngựa hay gậy gộc.. Kẻ nào muốn thoát án này phải trả lại gấp 9 lần giá trị đồ ăn cắp. Luật quy định chỉ những người thừa kế hợp pháp duy nhất mới được thừa hưởng tài sản của người quá cố. Cùng với đó, luật quy định các y sư, học giả, giáo sỹ hay những người chuyên tẩy rửa xác chết đều được miễn tô thuế. (xem thêm: Yasa-Bộ luật của Thành Cát Tư Hãn, https://baotintuc.vn/ho-so/yasa-bo-luat-cua-thanh-cat-tu-han-20130906092153849.htm)

(14). Xem thêm: Yasa-Bộ luật của Thành Cát Tư Hãn-Kỳ 2: Cai trị xã hội, https://baotintuc.vn.yasa-bo-luat-cua-thanh-cat-tu-han

(15). Trật tự trong quan hệ quốc tế thường được hiểu là mẫu hình hoạt động, quy tắc sắp xếp, điều chỉnh hành vi trong quan hệ giữa các nước thường được tạo ra bởi một nước hay nhóm nước có sức mạnh vượt trội, thường về quân sự, kinh tế và được áp dụng hay lan tỏa khá rộng rãi trong một không gian địa lý được xác định, cả ở cấp độ khu

vực và toàn cầu. Đây là một trạng thái tương đối ổn định và khá cân bằng của một cấu trúc quan hệ giữa một bên là một hay vài nước lớn, trung tâm quyền lực có ưu thế vượt trội về quân sự và kinh tế, đóng vai trò chi phối hay thống trị và bên kia là các nước, khu vực xung quanh lạc hậu, kém phát triển hơn và bị phụ thuộc vào trung tâm (thường gọi là khu vực ngoại vi).

(16). Xem thêm: Michael Prawdin, The Mongol Empire: itrise and legacy. New Brunswick: Transation, 2006, p.347-348.

(17). Xem: Laurence Bergreen, Marco Polo: From Venice to Xanadu. New York: Vitage, Print, 2007, pp. 27-28.

(18). Ví dụ như Đà Lôi, con trai thứ hai của Thành Cát Tư Hãn được tạm thời giao lãnh đạo đế chế, nhưng đến năm 1229, Hội nghị liên minh các bộ lạc (kurultai) lại công nhận Oa Khoát Đài, con trai thứ ba của ông là người kế vị chính thức Khả Hãn, đứng đầu đế chế. Đến thời cháu, chắt của Thành Cát Tư Hãn, tranh giành ngôi vị Khả Hãn trong đế chế lại nổi lên mạnh hơn. Ví dụ như vào năm 1248, sau khi Quý Đô, con trai của Oa Khoát Đài với cương vị là Khả Hãn qua đời, cuộc tranh giành ngôi vị giữa con cháu của Đà Lôi và Oa Khoát Đài trở nên khốc liệt. Vào năm 1251, khi con trai của Đà Lôi là Mông Kha được cử làm Khả Hãn, các hậu duệ của Oa Khoát Đài gần như tàn sát gần hết.

(19). Đến năm 1260, Hốt Tất Liệt, em trai của Mông Kha tự triệu tập hội nghị kurultai để công nhận ông làm Khả Hãn. Tuy nhiên, một bộ phận quý tộc khác lại bầu A Lý Bất Ca (em trai của Hốt Tất Liệt) làm Khả Hãn. Tuy nhiên, đến năm 1264, Hốt Tất Liệt đã loại em trai mình và trở thành Khả Hãn và đổi tước hiệu Khả Hãn thành Đại Hãn, lập nên triều đại nhà Nguyên.

(20). Xem thêm: Nguyễn Minh Khánh (2023), Nhà Nguyên Trung Quốc - Sự hình thành và nguyên nhân sụp đổ, https://www.holaai.org/2023/05/nha-nguyen-trung-quoc.htmlhttps://www.holaai.org/2023/05/nha-nguyen-trung-quoc.html

(21). Từ nửa sau thế kỷ XIV, nhất là từ thế kỷ XV, nhà Minh trở thành một triều đại mạnh nhất ở Đông Á, tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược các nước lân bang, trong đó có Việt Nam. Họ coi mình là "Thiên triều Thượng Quốc".

(22). Vào năm 1378, thân vương cai trị công quốc Moscow là Dimitry Donskoy lần đầu tiên trong một thời kỳ dài đã đứng lên đánh đổ sự cai trị của Hãn Quốc Kim Trướng. Trận đánh Kulikovo với sự thắng lợi của người Nga đã thúc đẩy nhanh quá trình thống nhất đất nước Nga. Trong suốt triều vua Ivan III sau này, nước Nga thống nhất đã đạp đổ hoàn toàn ách thống trị của Hãn quốc Kim Trướng tại sông Ugra vào năm 1480.

(23). Đế chế Ottoman của người Thổ Nhĩ Kỳ được hình thành từ cuối thế kỷ XIII, đầu thế kỷ XIV ở khu vực các nước Tiểu Á, trong vùng lãnh thổ của Hãn Quốc Y Nhi. Đến năm 1453, người Thổ Nhĩ Kỳ đánh chiếm thành Constantinople, làm sụp đổ đế chế Byzantine (đế chế Tây La Mã) và trở thành một đế chế hùng mạnh nhất thế giới lúc đó với diện tích rộng 5,6 triệu $km^2$, trải dài từ vùng Tiểu Á, Trung Đông, Bắc Phi và đa phần phía Đông của Nam Âu.

(24). Theo sử sách, vào năm 1221 quân Mông Cổ tiến đánh Merv-một kinh thành hoa lệ của Ba Tư. Vì lựa chọn kháng cự lại quân Mông Cổ, khoảng 70.000 dân của kinh thành này bị quân Mông Cổ giết sạch. (xem thêm: Pax mongolica-nền hòa bình bị quên lãnh, https://cand.com.vn/khoa-hoc-van-minh/pax-mongolica-nen-hoa-binh-bi-quen-lang-i636062/

(25). Lưu truyền rằng "Quân Mông Cổ đi đến đâu thì cỏ không mọc được ở đó".